

Số: ~~79759~~ /CT-TTHT
V/v chính sách thuế đối với
hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2018

Kính gửi: Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV
(Đ/c: Tầng 10, Tòa nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh, P. Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội - MST: 0104128741)

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được Phiếu chuyển số 848/PC-TCT ngày 23/10/2018 kèm công văn số CV-ACC/2018.27 ngày 17/10/2018 của Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV (sau đây gọi là Công ty) hỏi về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Mục 8 Chương XVI Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 quy định về Hợp đồng hợp tác:

"Mục 8. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC

Điều 504. Hợp đồng hợp tác

1. Hợp đồng hợp tác là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, pháp nhân về việc cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.

2. Hợp đồng hợp tác phải được lập thành văn bản.

Điều 505. Nội dung của hợp đồng hợp tác

Hợp đồng hợp tác có nội dung chủ yếu sau đây:

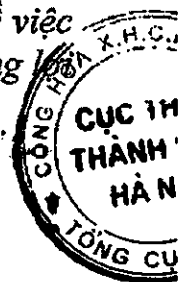
- 1. Mục đích, thời hạn hợp tác;*
- 2. Họ, tên, nơi cư trú của cá nhân; tên, trụ sở của pháp nhân;*
- 3. Tài sản đóng góp, nếu có;*
- 4. Đóng góp bằng sức lao động, nếu có;*
- 5. Phương thức phân chia hoa lợi, lợi tức;*
- 6. Quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác;*
- 7. Quyền, nghĩa vụ của người đại diện, nếu có;*
- 8. Điều kiện tham gia và rút khỏi hợp đồng hợp tác của thành viên, nếu có;*
- 9. Điều kiện chấm dứt hợp tác.*

..."

- Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 quy định:

+ Tại Khoản 9 Điều 3 quy định:

"9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (sau đây gọi là hợp đồng BCC) là hợp đồng được ký giữa các nhà đầu tư nhằm hợp tác kinh doanh phân chia lợi nhuận, phân chia sản phẩm mà không thành lập tổ chức kinh tế."



+ Tại Điều 28, 29 quy định hợp đồng BCC như sau:

“Điều 28. Đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC

1. Hợp đồng BCC được ký kết giữa các nhà đầu tư trong nước thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.

2. Hợp đồng BCC được ký kết giữa nhà đầu tư trong nước với nhà đầu tư nước ngoài hoặc giữa các nhà đầu tư nước ngoài thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 37 của Luật này.

3. Các bên tham gia hợp đồng BCC thành lập ban điều phối để thực hiện hợp đồng BCC. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ban điều phối do các bên thỏa thuận.

Điều 29. Nội dung hợp đồng BCC

1. Hợp đồng BCC gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ, người đại diện có thẩm quyền của các bên tham gia hợp đồng; địa chỉ giao dịch hoặc địa chỉ nơi thực hiện dự án;

b) Mục tiêu và phạm vi hoạt động đầu tư kinh doanh;

c) Đóng góp của các bên tham gia hợp đồng và phân chia kết quả đầu tư kinh doanh giữa các bên;

d) Tiến độ và thời hạn thực hiện hợp đồng;

đ) Quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng;

e) Sửa đổi, chuyển nhượng, chấm dứt hợp đồng;

g) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phương thức giải quyết tranh chấp.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng BCC, các bên tham gia hợp đồng được thỏa thuận sử dụng tài sản hình thành từ việc hợp tác kinh doanh để thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

3. Các bên tham gia hợp đồng BCC có quyền thỏa thuận những nội dung khác không trái với quy định của pháp luật.

...”

- Căn cứ Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

“Điều 5. Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT

...”

7. Các trường hợp khác:

...”

Cơ sở kinh doanh không phải kê khai, nộp thuế trong các trường hợp sau:

d) Các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh.

...”

- Căn cứ Khoản 7, Điều 3 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật

sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định như sau:

*"... Người bán phải lập hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, quảng cáo, hàng mẫu; hàng hóa, dịch vụ dùng để cho, biếu, tặng, trao đổi trả thay lương cho người lao động (trừ hàng hóa luân chuyển nội bộ, tiêu dùng nội bộ để tiếp tục quá trình sản xuất).
...".*

Căn cứ các quy định trên và theo trình bày của Công ty tại công văn hỏi, do đơn vị chưa cung cấp hồ sơ cụ thể, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp các Công ty thuộc Tập đoàn Wilmar Việt Nam cùng ký hợp đồng hợp tác kinh doanh phù hợp với quy định của Pháp luật để thực hiện hoạt động quảng bá thương hiệu tại Việt Nam, các Công ty này (sau đây gọi là các Bên) sẽ cùng ký kết hợp đồng hợp tác hoạt động thương hiệu với Nhà cung cấp dịch vụ, các Bên thỏa thuận cử ra một đại diện (sau đây gọi là Bên đại diện) để nhận hóa đơn từ Nhà cung cấp và thay mặt các Bên còn lại của Hợp đồng hợp tác thanh toán cho nhà cung cấp toàn bộ giá trị của hợp đồng sau đó phân chia lại chi phí cho các Bên tham gia hợp đồng hợp tác dựa trên thỏa thuận giữa các Bên thì:

- Khi các Bên tham gia hợp đồng chỉ trả khoản chi phí cho Bên đại diện thì Bên đại diện có trách nhiệm xuất hóa đơn GTGT cho các Bên còn lại.

- Khoản tiền mà Bên đại diện đã đại diện cho các Bên tham gia hợp đồng thanh toán cho Nhà cung cấp dịch vụ không được xác định là các khoản thu hộ không liên quan đến việc bán hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh theo quy định tại Tiết d Khoản 7 Điều 5 Thông tư 219/2013/TT-BTC nêu trên.

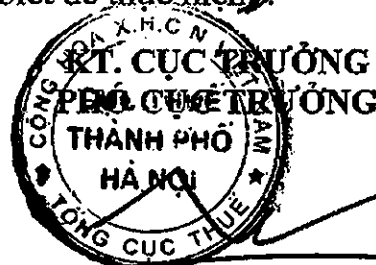
- Về phương thức thực hiện hợp đồng hợp tác: Đề nghị Công ty nghiên cứu quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật có liên quan để thực hiện theo đúng quy định.

Trường hợp còn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ phòng Kiểm tra thuế số 1 (Cục Thuế TP Hà Nội) để được giải đáp cụ thể.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời Công ty được biết để thực hiện

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng cục Thuế (để báo cáo);
- Phòng KT1;
- Phòng Pháp chế;
- Lưu: VT, TTHT(2). (7; 4)



Mai Sơn